

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2018

V/v: “Tranh chấp xin ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Đình Nhân

2. Bà Đinh Thị Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Lan Anh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2018/TLST–HNGĐ ngày 07/3/2018 về “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vy Thị Kim D, sinh năm 1986.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Lê Vũ L, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Số nhà 749, đường T, tổ dân phố 13, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa bà D có mặt, ông L vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vy Thị Kim D:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông L kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi, có thời gian tìm hiểu nhau trước khi cưới 08 tháng. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến ngày 19/5/2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là bà phát hiện ông L có mối quan hệ với người phụ nữ khác, đồng thời bà biết được ông L có sử dụng ma túy đá nên giữa hai vợ chồng bà thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh đập nhau. Nay, bà xác định tình

cảm vợ chồng không còn, bà không thể tiếp tục chung sống với ông L được nữa. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Nguyễn Lê Vũ L.

Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung tên là Nguyễn Vũ Th, sinh ngày 18/6/2012 và Nguyễn Vũ M, sinh ngày 29/4/2014. Hiện nay các con đang sống cùng với bà và ông L. Khi ly hôn bà yêu cầu được quyền nuôi cả 02 con cho đến ngày các con thành niên.

Về cấp dưỡng: Bà yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi con chung 1.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ khi có quyết định ly hôn của Tòa án cho đến ngày các con chung thành niên, phương thức cấp dưỡng theo quý 03 tháng 01 lần.

Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông L không có nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Lê Vũ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc nhiều lần nhưng không đến, ông L không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình và cũng không cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án.

Quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Vy Thị Kim D giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm có: 01 bản giấy trích lục kết hôn (bản sao), 01 bản Giấy chứng minh nhân dân – bà D (bản photo Thẩm phán đã đối chiếu với bản chính), 01 bản sổ hộ khẩu gia đình (bản sao), 02 bản giấy khai sinh con chung (bản sao), 01 bản Bản tự khai của bà D; bị đơn ông Nguyễn Lê Vũ L không giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ nào; các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được gồm có: 02 Biên bản xác minh (bản chính).

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án đã tiến hành phiên họp vắng mặt ông L và đã thông báo kết quả phiên họp cho ông L được biết. Do ông L vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu về việc ly hôn, yêu cầu nuôi con, về cấp dưỡng bà D yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cháu Minh 3.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng đến ngày cháu Minh thành niên.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ:

- *Về việc tuân theo pháp luật:* Thẩm phán chấp hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng người tham gia tố tụng, tổng đạt các giấy tờ cho đương sự đúng theo quy định. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo

quy định của luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đầy đủ các quy định của luật tố tụng dân sự;

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D, xử cho bà D và ông L được ly hôn; Về con chung: Đề nghị giao các con Th, M cho bà D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên; Về cấp dưỡng: Buộc ông L cấp dưỡng nuôi cháu M theo mức quy định của pháp luật cho đến ngày con chung thành niên; Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Xin ly hôn*” giữa nguyên đơn bà Vy Thị Kim D với bị đơn ông Nguyễn Lê Vũ L. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt đến lần thứ 02 dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Vy Thị Kim D và ông Nguyễn Lê Vũ L là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/11/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình vợ chồng chung sống theo bà D thì thời gian đầu có hạnh phúc, đến ngày 19/5/2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Bà D cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là ông L có mối quan hệ bên ngoài với người phụ nữ khác, đồng thời bà biết được ông L có sử dụng ma túy đá nên giữa hai vợ chồng bà thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh đập nhau. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, bà không thể tiếp tục chung sống với ông L được nữa, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông L. Còn ông L không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân với bà D. Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của bà D và ông L, kết quả xác minh cho thấy: Quá trình vợ chồng bà D và ông L chung sống với nhau thời gian đầu hạnh phúc, ông L chịu khó làm ăn và mang tiền về nuôi con. Đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, từ đó hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông L có đánh đập bà D. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Vy Thị Kim D và ông Nguyễn Lê Vũ L đã trầm trọng, kéo dài không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà D về việc xin ly hôn với ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà D và ông L có 02 con chung tên là Nguyễn Vũ Th, sinh ngày 18/6/2012 và Nguyễn Vũ M, sinh ngày 29/4/2014. Hiện nay các cháu đang sống với bà D và ông L. Bà D yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung cho đến ngày các cháu thành niên. Ông L không có ý kiến gì về con chung. Xét thấy, các con chung hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định cũng như điều kiện để các cháu phát triển về mọi mặt nên giao 02 cháu cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Bà D yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cháu M 3.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 19/7/2018 cho đến ngày cháu M thành niên, phương thức cấp dưỡng hàng tháng. Bà D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Th. Xét thấy, bà D yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi cháu M 3.000.000 đồng/tháng là vượt quá khả năng của ông L, ông L là tài xế, thu nhập không ổn định nên buộc ông L cấp dưỡng nuôi cháu M 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 19/7/2018 cho đến ngày cháu M thành niên.

Về tài sản chung: Bà D và ông L tự thỏa thuận, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung: Bà D và ông L không có nợ chung, bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về án phí: Buộc bà D phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Buộc ông L phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Vy Thị Kim D, xử cho bà Vy Thị Kim D và ông Nguyễn Lê Vũ L được ly hôn.

Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Vũ Th, sinh ngày 18/6/2012 và Nguyễn Vũ M, sinh ngày 29/4/2014 cho bà Vy Thị Kim D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày các con chung thành niên.

Về cấp dưỡng: Buộc ông Nguyễn Lê Vũ L phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Vũ M 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 19/7/2018 cho đến ngày cháu M thành niên.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định Luật Hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Bà Vy Thị Kim D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về việc khởi kiện xin ly hôn theo quy định của pháp luật. Bà D đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2015/0007330 ngày 07/3/2018 được chuyển thu.

Ông Nguyễn Lê Vũ L phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông L vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã Q, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu AV, HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**